TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 776/2022/HC-PT
Ngày: 21 - 9 - 2022
V/v khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn

Ông Chung Văn Kết

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2022/TLPT-HC ngày 10 tháng 5 năm 2022 về "Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 1264/2021/HC-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, bị kháng nghị, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp AH, xã AT, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1981; Địa chỉ: ấp AH, xã AT, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L: Luật sư Phạm Thanh Đ – Văn phòng luật sư Thanh Đ; Địa chỉ: Số 27/6 đường CL, khu phố 15, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. *Người bị kiện:*

2.1. Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Lương Văn Nho, khu phố Giồng Ao, thị trấn CT, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Tiến T – Phó Chủ tịch.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Lương Văn Nho, khu phố Giồng Ao, thị trấn CT, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Tiến T – Phó Chủ tịch.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Minh C – Trưởng Ban bồi thường và giải phóng mặt bằng huyện CG; có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1929. Địa chỉ: Tổ 3, ấp AH, xã AT, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp AH, xã AT, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; vắng mặt.

3.3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975; vắng mặt.

3.4. Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1976; vắng mặt.

3.5. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1978; vắng mặt.

3.6. Ông Nguyễn Tấn S, sinh năm 1991; vắng mặt.

3.7. Cháu Đặng Nguyễn Xuân R, sinh năm 2017.

Đại diện hợp pháp cho cháu Xuân R: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1981; có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp AH, xã AT, huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo*: Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện CG

5. *Kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện là bà Nguyễn Thị N, có đại diện là bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:*

Phần đất hiện nay bị thu hồi và bồi thường theo các Quyết định hành chính mang tên bà Nguyễn Thị N là do cha bà N là ông Nguyễn Văn B sử dụng từ năm 1968. Trong suốt quá trình sử dụng, không bị ai tranh chấp hay khiếu nại. Đến nay mặc dù ông Nguyễn Văn B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phần đất này nhưng vẫn sinh sống tại đây. Do đó, việc Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện CG ra quyết định thu hồi và bồi thường mang tên bà Nguyễn Thị N là không đúng đối tượng sử dụng đất. Toàn bộ diện tích đất 33,6m^2 bị thu hồi nằm hoàn toàn trong phần đất thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn B.

Trên thực tế, bà N có quyền sử dụng phần đất khác có diện tích đất 153m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S313822, số vào sổ 3880 QSDĐ/TC do UBND huyện CG cấp ngày 09/5/2001. Phần đất này hoàn toàn không bị ảnh hưởng bởi dự án xây dựng kè kiên cố ven sông Soài Rạp do có vị trí mặt tiền đường, cách xa sông Soài Rạp. Trong khi đó, Quyết định giải quyết khiếu nại số 625/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện CG cho rằng bà N bị thu hồi 4,9m^2 thuộc phần đất đã được cấp giấy chứng nhận trên là không chính xác.

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn B sử dụng đất ổn định từ năm 1968 và không có tranh chấp, tuy nhiên UBND huyện CG xác định phần diện tích 28,7m^2 là do lấn chiếm là không đúng nguồn gốc đất. Thực tế, ông Nguyễn Văn B sử dụng ổn định và không lấn chiếm, không bị xử phạt hành chính.

Đối với nhà và vật kiến trúc được ông Nguyễn Văn B xây dựng và sửa chữa qua thời gian dài. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 625/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện CG căn cứ vào biên bản làm việc giữa UBND xã AT và Thanh tra huyện CG, ngoài ra còn căn cứ vào mốc thời điểm hoàn công công trình kè chống sạt lở để cho rằng ông Nguyễn Văn B xây dựng nhà từ sau ngày 01/7/2006 là không khách quan. Các cơ quan Nhà nước không thể tự mình áp đặt thời điểm tạo lập nhà của người dân khi không có tài liệu nào cụ thể để xác định.

Vì vậy, bà N yêu cầu khởi kiện như sau:

- Hủy toàn bộ Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND huyện CG;

- Hủy toàn bộ Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện CG;

- Hủy toàn bộ Quyết định giải quyết khiếu nại số 625/QĐ-UBND ngày 23/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện CG;

- Hủy toàn bộ Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 16/4/2020 của UBND huyện CG;

- Hủy toàn bộ Quyết định cưỡng chế số 1900/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của UBND huyện CG;

- Buộc UBND huyện CG bồi thường cho ông Nguyễn Văn B theo đơn giá đất ở đối với diện tích đất 33,6m^2 bị thu hồi;

- Buộc UBND huyện CG bồi thường cho ông Nguyễn Văn B toàn bộ nhà và vật kiến trúc bị ảnh hưởng trong dự án theo quy định.

** Người bị kiện trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của người khởi kiện như sau:*

- Về yêu cầu hủy Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện CG về thu hồi đất:

Thực hiện nội dung chỉ đạo của Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 7121/UBND-KT ngày 07 tháng 12 năm 2016 về việc xử lý cấp bách, khắc phục tình hình sạt lở bờ sông giai đoạn 2016 - 2018 và nhiệm vụ đến năm 2020 trên địa bàn huyện CG; Công văn số 5727/UBND-KT ngày 13 tháng 9 năm 2017 về đẩy nhanh tiến độ xử lý các vị trí có nguy cơ sạt lở bờ sông, kênh, rạch trên địa bàn thành phố, theo đó có nêu *"Đối với các dự án đầu tư chống sạt lở, yêu cầu Ủy ban nhân dân quận – huyện tập trung đẩy nhanh công tác đền bù giải phóng mặt bằng, bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư trước ngày 01 tháng 01 năm 2018 để triển khai thi công"*. Do đó, việc tổ chức triển khai thực hiện các dự án kè bảo vệ khu dân cư là hết sức cần thiết và cấp bách nhằm đảm bảo tài sản, tính mạng của người dân trong khu vực có nguy cơ sạt lở cao trên địa bàn huyện CG (trong đó có dự án đầu tư Xây dựng kè kiên cố ven sông Soài Rạp bảo vệ khu dân cư (đoạn từ ngã ba rạch Bà Tổng đến Rạch Giông), xã AT, huyện CG, thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ phạm vi giải tỏa của dự án được xác định theo Bản đồ vị trí do Công ty TNHH Vũ Trần lập ngày 30 tháng 9 năm 2017 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm duyệt ngày 03 tháng 10 năm 2017.

Trên cơ sở đó ngày 24 tháng 11 năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện CG có Công văn số 4971/UBND về việc xây dựng cấp bách 7 tuyến kè bảo vệ khu dân cư trên địa bàn huyện CG, trong đó có dự án đầu tư Xây dựng kè kiên cố ven sông Soài Rạp bảo vệ khu dân cư (đoạn từ ngã ba rạch Bà Tổng đến Rạch Giông), xã AT, huyện CG, thành phố Hồ Chí Minh đã được Ủy ban nhân dân huyện CG phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện CG phối hợp với Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng, Ủy ban nhân dân xã AT, huyện CG bàn giao cọc mốc và ranh giải tỏa mặt bằng phục vụ công tác đo đạc, kiểm kê, lập phương án bồi thường cho các hộ dân bị ảnh hưởng trong dự án.

Theo ranh giải phóng mặt bằng được duyệt, ngày 19 tháng 01 năm 2018 Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện CG phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã AT và Công ty TNHH MTV đầu tư phát triển đo đạc bản đồ Phương Nam thực hiện đo đạc, kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản của các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng (trong đó, có trường hợp bà Nguyễn Thị N đã đọc và thống nhất với số liệu thực hiện điều tra kiểm kê).

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện CG ban hành Thông báo số 847/TB-UBND về thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị N để thực hiện dự án.

Trên cơ sở thực hiện đo đạc, điều tra kiểm kê đã xác định, trường hợp hộ bà Nguyễn Thị N có phần diện tích bị ảnh hưởng trong dự án là 33,6m^2, thuộc một phần thửa 379 (379-1), tờ bản đồ số 13, không nằm trong giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất (trong đó diện tích 4,9m^2 do hộ bà Nguyễn Thị N mua lại từ năm 1975 sử dụng ổn định đến nay không tranh chấp và phần diện tích 28,7m^2 do hộ bà Nguyễn Thị N lấn chiếm từ năm 2012 sử dụng ổn định đến nay không tranh chấp, không bị xử phạt vi phạm hành chính).

Căn cứ Điều 66 Luật đất đai 2013 quy định về thẩm quyền thu hồi đất "*Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất trong trường hợp thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư"*; Căn cứ khoản 3 Điều 40 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh quy định *"Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định trong cùng một ngày"*.

Từ các nội dung được nêu trên, ngày 20 tháng 12 năm 2019 Ủy ban nhân dân huyện CG ban hành Quyết định số 2387/QĐ-UBND về thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị N là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục quy định.

Việc bà Nguyễn Thị N yêu cầu hủy Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện CG về thu hồi đất là không có cơ sở.

- Về yêu cầu hủy Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện CG về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại:

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3880 QSDĐ/TC ngày 09 tháng 5 năm 2001; biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản bị ảnh hưởng ngày 19 tháng 01 năm 2018; biên bản làm việc ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện CG; căn cứ giấy xác nhận quá trình sản xuất đất nông nghiệp, số nhân khẩu và nghề nghiệp ngày 09 tháng 12 năm 2019, giấy xác nhận về nguồn gốc pháp lý nhà, đất ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã AT.

Căn cứ Bản vẽ hiện trạng vị trí ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Công ty TNHH MTV đầu tư phát triển đo đạc bản đồ Phương Nam; Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện về thu hồi đất của hộ bà Nguyễn Thị N.

Căn cứ Chính sách số 296/CS-HĐBT ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án xây dựng kè kiên cố ven sông Soài Rạp bảo vệ khu dân cư (đoạn từ ngã ba rạch Bà Tổng đến rạch Giông), xã AT, huyện CG được Ủy ban nhân dân huyện CG phê duyệt tại Quyết định số 2153/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019.

Từ cơ sở pháp lý trên, Ủy ban nhân dân huyện CG ban hành Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị N với số tiền là 10.450.000 đồng, cụ thể:

- Hỗ trợ đất nông nghiệp trồng cây hàng năm vị trí 1 không mặt tiền đường (không giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) bằng 100% đơn giá bồi thường với số tiền 2.949.800 đồng (4,9m^2 x 602.000 đồng/m^2).

- Chính sách hỗ trợ (hỗ trợ thêm nếu chấp hành bàn giao mặt bằng trước và đúng thời gian quy định) với số tiền là 7.500.000 đồng.

Không đồng ý với Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, bà Nguyễn Thị N khiếu nại yêu cầu bồi thường đất và nhà, vật kiến trúc của gia đình bà bị ảnh hưởng trong dự án.

Đối chiếu quy định pháp luật có liên quan, ngày 23 tháng 3 năm 2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG ký Quyết định số 625/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N, theo đó công nhận phần đất diện tích 4,9m^2, thuộc thửa 67-1, tờ bản đồ số 19 được bồi thường theo đất ở; không công nhận nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường phần đất 28,7m^2 thuộc thửa r, loại đất rạch, tờ bản đồ số 19; không công nhận nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường phần nhà, vật kiến trúc bị ảnh hưởng.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện CG ban hành Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị N với tổng kinh phí là 32.642.000 đồng.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện CG ban hành Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và được điều chỉnh tại Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2020 cho bà Nguyễn Thị N là đúng quy định pháp luật và đúng trình tự, thủ tục. Việc bà Nguyễn Thị N yêu cầu hủy Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện CG về duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại là không có cơ sở.

- Về yêu cầu hủy Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị N:

Bà Nguyễn Thị N khiếu nại Quyết định số 2628/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của UBND huyện CG với nội dung: Phần đất 33,6 m^2 do hộ ông Nguyễn Văn B (cha của bà N) sử dụng từ năm 1968, phần nhà, vật kiến trúc đã tồn tại từ năm 1968. Bà và ông B đều có hộ khẩu riêng chung tại địa chỉ tổ 3, ấp An Hoà, xã AT, huyện CG.

Chủ tịch UBND huyện CG ban hành Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2020 trên cơ sở như sau:

Theo giấy xác nhận này 09 tháng 12 năm 2019 của UBND xã AT, huyện CG về nguồn gốc, pháp lý nhà đất phục vụ cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trong dự án:

- Phần đất: 33,6 m^2 thuộc thửa 379-1, tờ bản đồ số 13 (theo tài liệu bản đồ địa chính thuộc thửa 67-1 (r), tờ bản đồ số 19), không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó gồm:

+ Diện tích 4,9 m^2 thuộc một phần thửa 379-1, tờ bản đồ số 13 (theo tài liệu bản đồ địa chính thuộc thửa 67-1, tờ bản đồ số 19) do hộ bà Nguyễn Thị N mua lại từ năm 1975 sử dụng ổn định cho đến nay không tranh chấp.

+ Diện tích 28,7 m^2 thuộc một phần thửa 379-1, tờ bản đồ số 13 (theo tài liệu bản đồ địa chính thuộc thửa (r), tờ bản đồ số 19) do hộ bà Nguyễn Thị N lấn chiếm từ năm 2012, sử dụng ổn định cho đến nay không tranh chấp, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Theo bản vẽ hiện trạng vị trí phần đất diện tích 33,6 m^2 không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị N bị ảnh hưởng trong dự án do Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển đo đạc bản đồ Phương Nam đo đạc ngày 16 tháng 01 năm 2019 có xác nhận của UBND xã AT, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã kiểm tra như sau: Phần đất của bà N bị ảnh hưởng trong dự án có diện tích 33,6 m^2 gồm phần diện tích 4,9 m^2 thuộc thửa 67-1 loại đất ở nông thôn và phần diện tích 28,7 m^2 thuộc thửa r, loại đất rạch, tờ bản đồ số 19 theo tài liệu năm 2005.

Đối chiếu với Tài liệu bản đồ năm 1992 thì phần đất diện tích 33,6 m^2 bị ảnh hưởng trong dự án là Thổ.

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 204/TC ngày 03 tháng 3 năm 1997 cho bà Nguyễn Thị N có diện tích 153 m^2, thuộc một phần thửa 379, tờ bản đồ số 13, tài liệu năm 1992, tại xã AT thì phần đất diện tích 33,6 m^2 bị ảnh hưởng trong dự án là sông Soài Rạp nằm tiếp giáp với phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N (Theo biên bản xác định ranh giới, diện tích và nguồn gốc quyền sử dụng đất ngày 15 tháng 02 năm 1997 của Phòng địa chính huyện Cần Giờ thể hiện lược đồ đo đất có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị N).

Đối chiếu Tài liệu bản đồ năm 2005 đo vẽ tháng 3 năm 2004 thì phần đất diện tích 33,6 m^2 bị ảnh hưởng trong dự án gồm phần diện tích 4,9 m^2 thuộc một phần thửa 67, loại đất gò và phần diện tích 28,7 m^2 thuộc sông Soài Rạp, tờ bản đồ số 19.

Theo biên bản làm việc ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Thanh tra huyện, UBND xã AT xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng phần đất của bà N bị ảnh hưởng dự án là dựa trên ý kiến xác nhận của Tổ trưởng tổ 3, ấp An Hòa và Phó ban nhân dân ấp An Hòa. Toàn bộ phần đất 33,6 m^2 bị ảnh hưởng trong dự án do bà N mua lại từ năm 1975 để sử dụng. Quá trình sử dụng đất bị sạc lở theo như hiện trạng của bản đồ số năm 2005. Đến năm 2009, nhà nước có xây kè tạm để chắc sóng chống sạc lở, thì sau khi xây xong, bà N lấn chiếm để xây dựng nhà trên kè tạm vào khoảng năm 2012. Do đó, căn cứ theo bản đồ số năm 2005,

việc xây cất của bà N trên diện tích 28,7 m^2 thuộc một phần thửa 379-1, tờ bản đồ số 13, là lấn chiếm.

Theo tài liệu của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện cung cấp thì công trình kè chống sạc lở ven sông Soài Rạp, xã AT, huyện Cần Giờ được Ủy ban nhân dân huyện duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật ngày 09 tháng 5 năm 2007 và có bản vẽ hoàn công ngày 17 tháng 9 năm 2007.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, Thanh tra huyện có buổi làm việc với Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ban bồi thường giải phóng mặt bằng về phần đất diện tích 4,9 m^2 thuộc thửa 67-1, tờ bản đồ số 19 (tài liệu bản đồ 2005) xã AT. Qua xem xét, Phòng Tài nguyên và Môi trường và Ban bồi thường cùng thống nhất: Phần diện tích 4,9 m^2 nằm trong khuôn viên đất ở của hộ bà N, do đó xem xét bồi thường đất ở trong hạn mức giao đất ở theo nguồn gốc nhà chính của hộ bà N đã có từ năm 1985 (trước ngày 01/7/2004).

Phần đất diện tích 28,7 m^2 hộ bà N lấn chiếm sau ngày 01/7/2004 nên không đủ điều kiện để được tính bồi thường, hỗ trợ về đất, phù hợp với điểm d khoản 2 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2018 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo biên bản kiểm kê hiện trạng sử dụng đất và tài sản ảnh hưởng ngày 19 tháng 01 năm 2018 của Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện xác định phần vật kiến trúc bị ảnh hưởng trong dự án là phòng ăn, bếp phụ, nhà vệ sinh, nền xi măng.

Theo giấy xác nhận ngày 09 tháng 12 năm 2019 của UBND xã AT thì phòng ăn, bếp phụ, nhà vệ sinh, nền xi măng không có giấy phép xây dựng, không bị xử phạt hành chính, tự xây dựng năm 2012 sử dụng ổn định cho đến nay, không tranh chấp. Việc xây dựng công trình là sau ngày 01 tháng 7 năm 2006. Do đó, UBND huyện không bồi thường vật kiến trúc là phù hợp với điểm d khoản 2 Điều 20 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2018 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc bà N yêu cầu hủy Quyết định số 625/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG về việc giải quyết khiếu nại là không có cơ sở.

- Về yêu cầu hủy Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện CG về duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ:

Trường hợp bà Nguyễn Thị N có phần diện tích 33,6m^2, một phần thửa 379, tờ bản đồ số 13, không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị ảnh hưởng trong dự án xây dựng kè kiên cố ven sông Soài Rạp bảo vệ khu dân cư (đoạn từ ngã ba rạch Bà Tổng đến rạch Giông), xã AT, huyện CG đã được

Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ ban hành Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 về thu hồi đất để thực hiện dự án.

Căn cứ vào các quy định liên quan, ngày 31 tháng 12 năm 2019 Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ ban hành Quyết định số 2682/QĐ-UBND về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị N với số tiền là 10.450.000 đồng.

Không đồng ý với Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, bà Nguyễn Thị N gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ yêu cầu bồi thường đất và nhà, vật kiến trúc do bị ảnh hưởng trong dự án.

Qua kiểm tra, xác minh, đối chiếu tài liệu bản đồ năm 1992, tài liệu bản đồ năm 2005 đo vẽ tháng 3 năm 2004, theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 204/TC ngày 03 tháng 3 năm 1997 và sự thống nhất của các đơn vị có liên quan *(đã được nêu tại mục 1.2 Công văn số 4190/UBND ngày 19 tháng 8 năm 2020 về ý kiến liên quan đến vụ khiếu kiện hành chính của bà Nguyễn Thị N)*. Ngày 23 tháng 3 năm 2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG ban hành Quyết định số 625/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại, theo đó công nhận phần diện tích 4,9m^2, thuộc thửa 67-1, tờ bản đồ số 19 (theo tài liệu bản đồ 2005) được bồi thường theo đất ở; Không công nhận nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường phần đất diện tích 28,7m^2 thuộc thửa r, loại đất rạch, tờ bản đồ số 19 (theo tài liệu bản đồ năm 2005) và yêu cầu bồi thường về nhà, vật kiến trúc.

Trên cơ sở đó, ngày 16 tháng 4 năm 2020 Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 757/QĐ-UBND về duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị N với tổng kinh phí là 32.642.000 đồng, cụ thể:

- Bồi thường đất ở vị trí 1 đường Quãng Xuyên (đoạn từ Rạch Giông đến kênh Bà Tổng): 4,9m^2 x 5.131.000 đồng/m^2 = 25.141.900 đồng.

- Chính sách hỗ trợ (hỗ trợ thêm nếu chấp hành bàn giao mặt bằng trước và đúng thời gian quy định): 7.500.000 đồng.

Từ cơ sở được nêu trên, việc bà Nguyễn Thị N yêu cầu hủy Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện CG về duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ là không có cơ sở.

- Về yêu cầu hủy Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất:

Trường hợp bà N đã thực hiện việc đo đạc điều tra kiểm kê hiện trạng đất và tài sản ảnh hưởng xong.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện và UBND xã AT, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện tiếp xúc, vận động bà N bàn giao mặt bằng. Tuy nhiên bà N không thực hiện.

Căn cứ khoản 2 Điều 71 Luật đất đai năm 2013; Điều 42 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2018 quy định về bồi thường, hỗ trợ

và tái định cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng có Báo cáo số 706/BC-BT ngày 26/5/2020 đề xuất cưỡng chế đối với hộ bà N.

Ngày 15/6/2020, UBND huyện Cần Giờ có Công văn số 2836/UBND rà soát hồ sơ cưỡng chế của dự án.

Ngày 07/7/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện có tờ trình số 1663/TTr-TNMT về việc ban hành quyết định cưỡng chế.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, Chủ tịch UBND huyện Cần Giờ ban hành Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2020 về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất. Việc ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

Việc bà N yêu cầu hủy Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất là không có cơ sở.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn B có bà L đại diện, còn lại là các ông bà:* Bà Nguyễn Thị H, Bà Nguyễn Thị M, Ông Nguyễn Văn E, Ông Nguyễn Văn G, Ông Nguyễn Tấn S, cháu Đặng Nguyễn Xuân R đều là những người cùng sinh sống tại địa chỉ đất thu hồi, là anh, chị, em, cháu trong gia đình. Do bận công việc nên họ không đến tham gia phiên toà, họ nộp văn bản trình bày ý kiến là thống nhất với trình bày của bà L, đồng thời xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 1264/2021/HC-ST ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:*

Căn cứ các Điều 3, 6, 30, 32, 157, 158, 193, 205, 206, 211, 213 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ các Điều 99, 100 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

1.1. Hủy các văn bản như sau:

- Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 625/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh;

1.2 Buộc Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường cho hộ bà Nguyễn Thị N theo đơn giá đất ở đối với diện tích đất 33,6m^2 bị thu hồi – là thửa đất thửa 67, tờ bản đồ số 19, xã AT, huyện CG (tài liệu bản đồ địa chính, pháp lý năm 2005).

1.3 Buộc Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường cho bà Nguyễn Thị N toàn bộ công trình, vật kiến trúc trên phần đất 33,6 m^2 nêu trên theo luật định.

1.4 Không hủy các văn bản sau đây:

- Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định cưỡng chế số 1900/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 26/01/2022, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện CG có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện.

Ngày 31/12/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm như sau:*

Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không phù hợp. Quan điểm kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu kháng cáo của phía bị kiện UBND huyện CG là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm kháng nghị và kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chứng cứ đã thu thập thể hiện:

[1.1] Phần diện tích đất bị thu hồi theo Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện CG đối với hộ bà Nguyễn Thị N có diện tích 33,6m^2, thuộc một phần thửa 379 (379-1), tờ bản đồ số 13, tài liệu năm 1992, tại xã AT được xác định không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3880/QSDĐ/TC ngày 09/5/2001 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị N.

[1.2] Căn cứ Bản vẽ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH MTV đầu tư phát triển đo đạc bản đồ Phương Nam ngày 16/01/2019 có xác nhận của UBND xã AT, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng và Phòng Tài nguyên và môi trường huyện đã kiểm tra cho thấy, phần đất của bà N bị ảnh hưởng trong dự án có diện tích 33,6m^2, gồm 4,9m^2 thuộc thửa 67-1, loại đất ở nông thôn đã được bồi thường, hỗ trợ; riêng phần đất diện tích 28,7m^2 nằm ngoài ranh, thuộc sông Soài Rạp, tờ bản đồ số 19 theo tài liệu năm 2005.

[1.3] Căn cứ giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã AT ngày 09/12/2019 về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất 33,6m^2 bị ảnh hưởng trong dự án là hộ bà N mua lại từ năm 1975 để sử dụng. Trong quá trình sử dụng thì đất bị sạt lở theo như hiện trạng bản đồ năm 2005. Đến năm 2009, Nhà nước có chủ trương xây kè tạm để chắn sóng, chống sạt lở và khi xây xong thì bà N lấn chiếm để xây dựng nhà trên kè tạm vào khoảng năm 2012.

[1.4] Ngày 16/03/2020, Thanh tra huyện tiến hành làm việc với Phòng Tài nguyên – Môi trường và Ban bồi thường giải phóng mặt bằng đã thống nhất bồi thường thêm cho bà N diện tích 4,9m^2 nằm trong khuôn viên đất của hộ bà N. Phần diện tích 28,7m^2 thuộc một phần thửa 379-1, tờ bản đồ số 13 nằm trong trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên không được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại khoản 4 Điều 82 Luật Đất đai năm 2013. Từ đó, có đủ cơ sở xác định phần diện tích 28,7m^2 là thửa đất rạch, không thuộc tờ bản đồ số 67, tờ bản đồ số 19 theo tài liệu năm 2005. Việc Ủy ban nhân dân huyện CG không tính bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất này là phù hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 9/8/2018 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.5] Bà Nguyễn Thị N cho rằng, phần đất trên là đất của cha bà ông Nguyễn Văn B sử dụng từ năm 1968 đến nay, nhưng không cung cấp được tài liệu để chứng minh. Mặt khác, khi bà N được Ủy ban cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông B không khiếu nại hay có yêu cầu cấp giấy chứng nhận đối với diện tích đất này. Vì vậy, nay bà N yêu cầu bồi thường đối với diện tích đất này là không có cơ sở.

[2] Từ những nhận định trên cho thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện này của bà N là không có căn cứ. Quan điểm kháng

nghị của Viện kiểm sát và yêu cầu kháng cáo của phía người bị kiện là có căn cứ, nên được chấp nhận. Cần sửa một phần bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

[3] Do sửa án sơ thẩm, vì vậy bà N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; phía Ủy ban nhân dân huyện CG không phải chịu án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 7126/QĐ-VKS-HC ngày 31/12/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện CG.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 1264/2021/HC-ST ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 99, 100 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về các nội dung sau:

1.1. Yêu cầu hủy các văn bản sau:

- Quyết định số 2682/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định giải quyết khiếu nại số 625/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 757/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh;

1.2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường cho hộ bà Nguyễn Thị N theo đơn giá đất ở đối với diện tích đất 33,6m^2 bị thu hồi – là thửa đất thửa 67, tờ bản đồ số 19, xã AT, huyện CG (tài liệu bản đồ địa chính, pháp lý năm 2005).

1.3. Buộc Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh bồi thường cho bà Nguyễn Thị N toàn bộ công trình, vật kiến trúc trên phần đất 33,6 m^2 nêu trên theo luật định.

1.4. Quyết định số 2387/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh;

1.5. Quyết định cưỡng chế số 1900/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Về án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện CG và Ủy ban nhân dân huyện CG, Thành phố Hồ Chí Minh không phải án phí sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả 300.000 đồng cho UBND huyện CG là số tiền đã tạm nộp theo Biên lai thu số 0001811 ngày 08/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền đã tạm nộp theo Biên lai thu số 0091774 ngày 11/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- NKK;
- NBK;
- NCQL&NVLQ;
- Lưu: HS, VP, 14bTNB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Công Mười